TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH
TỈNH HÀGIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/HNGĐ - ST
Ngày 06/11/2018
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nông Thị Vân

2. Bà Nguyễn Thị Mai Hương

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Nhất - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quang Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện QB, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lục H, sinh năm 1992; trú tại: Thôn G, xã M, huyện VY, tỉnh Yên Bái;

Bị đơn: Hoàng T, sinh năm 1988; trú tại: Thôn T, xã T, huyện QB, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/9/2018 và bản tự khai ngày 11/9/2018 nguyên đơn chị Lục H trình bày: Chị H và anh Hoàng T kết hôn với nhau ngày 07/10/2015, có tổ chức đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện QB, tỉnh Hà Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khi chị H chuẩn bị sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do trong cuộc

sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị Huyền về nhà bố mẹ đẻ của chị ở thôn G, xã M, huyện VY, tỉnh Yên Bái để ở và sinh con, sau khi sinh con chị H không về nhà chồng ở nữa, kể từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau, anh T có quan tâm, chăm sóc đến con nhưng mâu thuẫn vợ chồng cũng không hàn gắn lại được. Đến nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cùng nhau chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị H làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng T.

Tại bản tự khai ngày 11/9/2018 bị đơn anh Hoàng T trình bày: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T làm nghề lái xe nên thường xuyên đi làm xa nhà, vợ chồng ít chung sống cùng nhau, dẫn đến bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Sau khi sinh con xong chị H ở luôn ở nhà bố mẹ đẻ và chỉ về nhà anh T khi có công việc, anh T vẫn quan tâm, chăm sóc đến vợ và con nhưng chị H không còn quan tâm đến anh T. Đến nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, vợ chồng chỉ xảy ra mâu thuẫn nhỏ, anh mong chị H quay về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái. Vì vậy việc chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh T không nhất trí ly hôn. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

2. Về con chung

Chị H trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung cháu tên là Hoàng M sinh ngày 22/4/2016, hiện nay cháu còn nhỏ và đang ở với chị H, khi ly hôn chị H đề nghị toà án giải quyết cho chị Hlà người trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Hiện nay chị H đang làm nhân viên cho Công ty Tài chính Một thành viên Homcredit, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty tài chính TNHH MB Shinsci tại huyện VY, tỉnh Yên Bái, thu nhập trung bình cả ba công ty khoảng 12.000.000 đồng/1 tháng, chị H nhận thấy mình có đủ điều kiện về cơ sở vật chất để nuôi dưỡng cháu M nên chị Huyền không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mà để anh T tự nguyện quan tâm chăm sóc cháu My trên góc độ cha con.

Anh T trình bày: Về con chung như chị Htrình bày là đúng. Nếu vợ chồng phải ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Hiện nay anh T làm nghề lái xe thu nhập ổn định 10.000.000 đồng/1 tháng nên có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M ăn học trưởng thành, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, mà để chị H quan tâm đến cháu ở góc độ tình cảm mẹ con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung

Chị H trình bày: Vợ chồng tôi không có tài sản chung, công nợ chung. Không yêu cầu Toà án giải quyết.

AnhT trình bày: Theo lời trình bày của chị H về phần tài sản chung, công nợ chung là đúng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Công văn số 184/CV-UBND ngày 17/9/2018 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện QB, tỉnh Hà Giang cho biết chị H và anh T kết hôn với nhau từ tháng 01/2015 và có tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện QB, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống chị H và anh T đã có 01 con chung và đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị H và anh T đã sống ly thân. Tổ hòa giải của thôn, Ủy ban nhân dân xã cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QB phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; khoản 2, khoản 3 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn của chị H. Giao cháu Hoàng M, sinh ngày 22/4/2016 cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục H và anh Hoàng T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện QB, tỉnh Hà Giang. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh T đều thừa nhận do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, chị H và anh Tđã sống ly thân từ khi chị H sinh cháu My cho đến nay. Anh T khẳng định do công việc anh phải làm ăn xa nhà, vợ chồng ít chung sống cùng nhau, nên mâu thuẫn vợ chồng xảy ra không nhiều và chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Vì vậy anh T nhận thấy anh vẫn còn tình cảm với chị H, mong chị H quay về đoàn tụ, tiếp tục cùng nhau chung sống nhưng chị H khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh T đi làm có gọi điện về chỉ nói chuyện với con, còn giữa chị và anh T không còn quan tâm gì đến nhau vì vậy không thể tiếp tục cùng nhau chung sống. Như vậy đã đủ cơ sở để kết luận quá trình chung sống giữa chị H và anh T đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn vợ

chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị H đề nghị được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị H và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét về điều kiện hoàn cảnh kinh tế chị H, anh T đều là người có thu nhập ổn định với mức thu nhập đảm bảo cho cháu M có cuộc sống đầy đủ về vật chất. Nhưng anh T làm nghề lái xe tại Hà Nội, công việc hàng ngày phải trở hàng đi các tỉnh Yên Bái, Tuyên Quang, Phú Thọ và các tỉnh lân cận của thành phố Hà Nội nên xét thấy anh T không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con hàng ngày. Vì vậy yêu cầu được trực tiếp nuôi con của anh T không được chấp nhận. Từ khi được sinh ra cho đến nay cháu M được chị H nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Cháu M sinh ngày 22/4/2016, chưa đủ 36 tháng tuổi. Việc chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị H.

Chị H không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh T đều yêu cầu tòa án không giải quyết về phần tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[4] Về án phí: Chị Lục H chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục H ly hôn với anh Hoàng T.

* Về con chung: Chị Lục H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng M sinh ngày 22/4/2016. Anh Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

* Về án phí: Chị Lục H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 02900 ngày 06/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện QB, tỉnh Hà Giang.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết/.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện QB;
- Chi cục THADS huyện QB;
- Các đương sự;
- UBND xã T(Nơi đã đăng ký Kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hải Phương